

Số: 209/BC-NSC

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN  
Năm báo cáo: 2018

### A. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Ngân Sơn**
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 0100100199 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2005, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 15/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.
- Vốn điều lệ: 112.020.030.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2018): 178.894.267.933 đồng
- Địa chỉ: Số 01 – Đường TS1 – Khu Công nghiệp Tiên Sơn – Tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại: 0222 6263 679
- Số fax: 0222 6263 686
- Website: [www.nganson.vn](http://www.nganson.vn) - Email : [nganson@nganson.vn](mailto:nganson@nganson.vn)
- Mã cổ phiếu: NST

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Ngân Sơn, tiền thân là Công ty nguyên liệu thuốc lá Bắc, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty thuốc lá Việt nam (Vinataba), được thành lập theo quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất chế biến, kinh doanh và xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá. Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2018: 112.020.030.000 đồng. Ngày 29/12/2006 Công ty chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà nội (Nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

#### 3. Ngành nghề và địa điểm kinh doanh:

##### 3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng trọt, thu mua, sơ chế tách cọng, chế biến sợi thuốc lá, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp;
- Kinh doanh thuốc lá bao, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành thuốc lá; Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy, hải sản và hàng tiêu dùng.
- Sản xuất và mua bán vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu làm thuốc) và các sản phẩm nhựa;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh dịch vụ kho vận, kho ngoại quan;
- Kinh doanh các dịch vụ: ăn uống, nhà hàng, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát, karaoke, vũ trường, quán bar).
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar).
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định.
- Gia công, chế tạo, mua bán các sản phẩm cơ khí; Mua bán các thiết bị máy, phụ tùng.

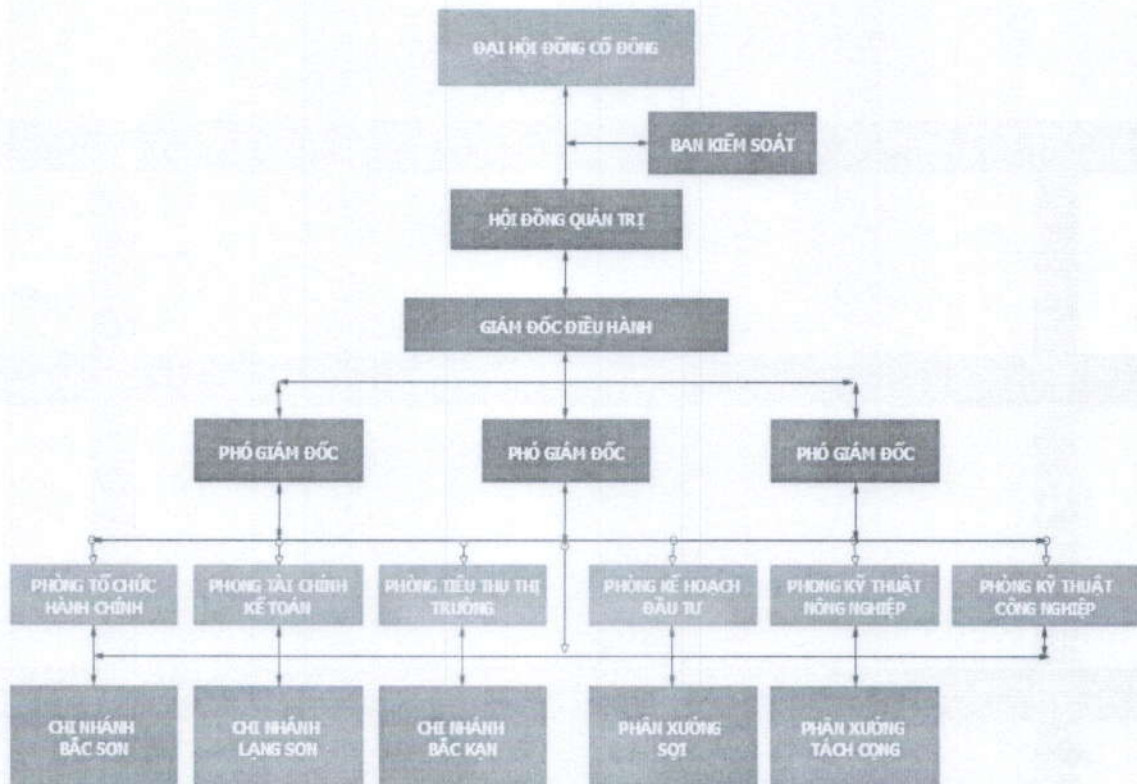
- Ươm, nuôi trồng, mua bán hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cây bóng mát, cây công nghiệp, cây giống, dịch vụ bảo vệ thực vật.
- Chăn nuôi, mua bán, xuất khẩu vật nuôi lâm sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm).

### 3.2. Địa điểm kinh doanh:

- Các tỉnh thành trong cả nước.
- Thị trường Trung Quốc, Anh, Bungari, Thụy Sỹ,...

### 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Ngân Sơn được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân theo các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.



### 5. Định hướng phát triển của Công ty năm 2018

Dựa trên các yếu tố đánh giá, cũng như thuận lợi, khó khăn, nguồn lực hiện có của Công ty, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2018 như sau:

- Doanh thu: 700.000 triệu đồng, bằng 104,9% so thực hiện năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế: 16.500 triệu đồng, bằng 102,8% so thực hiện năm 2017.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	KH năm 2018	Tỷ lệ % KH18/TH17
1. Doanh thu	Tr.đ	669.072	700.000	104,9
2. Lợi nhuận	Tr.đ	16.045	16.500	106,6

## B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2018

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ Đại hội đồng cổ đồng	Thực hiện	So sánh TH/NQ (%)
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	700.000	611.708	87,4
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	16.500	16.760	101,5
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	-	3.200	-
4	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	-	9	-

### 2. Công tác nhân sự:

Cùng với sự phát triển của Công ty, công tác Tổ chức – Nhân sự cũng có nhiều thay đổi trong cơ cấu quản lý đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả và hoạt động phù hợp với định hướng tầm nhìn chiến lược của Công ty, cụ thể:

#### \* Cơ cấu, chất lượng đội ngũ Cán bộ quản lý Công ty:

- Độ tuổi  $\geq 50$ : 5/36  $\approx 13,8\%$
- Độ tuổi 40 - dưới 50: 22/36  $\approx 61,1\%$
- Độ tuổi  $< 40$ : 9/36  $\approx 25\%$
- Tỷ lệ cán bộ nữ: 8/36  $\approx 22,2\%$
- Tỷ lệ đảng viên: 36/36 đạt 100%
- Trình độ học vấn: Trên đại học 12/36 chiếm 33,3%
- Đại học, Cao đẳng: 24/36 chiếm 66,6%

#### \* Chất lượng lao động toàn công ty:

- Tổng số lao động có hợp đồng từ 1 năm trở lên là 394 người (nam 269/394  $\approx 68,3\%$ ; nữ 125/394  $\approx 31,7\%$ )

- Độ tuổi bình quân:
  - Dưới 40 tuổi: 265 người  $\approx 67,3\%$
  - Từ 40 - 50 tuổi: 99 người  $\approx 25,1\%$
  - Trên  $\geq 50$  tuổi: 26 người  $\approx 7,6\%$
- Trình độ học vấn:
  - Trên Đại học: 11 người  $\approx 2,8\%$
  - Đại học, Cao đẳng: 133 người  $\approx 33,8\%$
  - Trung cấp: 54 người  $\approx 13,7\%$
  - Công nhân kỹ thuật, LĐ phổ thông: 196 người  $\approx 49,7\%$

#### \* Tóm tắt lý lịch của các Ông (Bà) trong Bộ máy quản lý điều hành:

Ông Nguyễn Nam Giang	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 03/04/2018)
Ông Vương Đình Hải	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 03/04/2018)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Đức Thanh	Ủy viên HĐQT
Ông Đỗ Điệp Anh	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Trường	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Chí Thanh	Phó Giám đốc
Ông Trần Đình Thanh	Phó Giám đốc
Ông Trần Đăng Tuyết	Phó Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh	Quốc tịch	Địa chỉ thường trú	Trình độ
1	Nguyễn Nam Giang	Chủ tịch HĐQT	Nam	20/10/1975	Việt Nam	75 Tam Trinh, HN	Thạc sỹ QTKD
2	Nguyễn Đình Trường	Ủy viên HĐQT	Nam	02/11/1959	Việt Nam	Số 6, Ngõ 60, Yên Lạc, HN	Thạc sỹ
3	Đỗ Điệp Anh	Ủy viên HĐQT	Nam	20/08/1974	Việt Nam	46 tổ 58 P Tương mai Q.Hoàng mai HN	Kỹ sư
4	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT Giám đốc Cty	Nam	27/6/1973	Việt Nam	Dốc Bạc, Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội	Thạc sỹ kinh tế
5	Nguyễn Đức Thanh	Ủy viên HĐQT	Nam	13/04/1964	Việt Nam	Nhà 4B, KTT Xăng dầu, Ngõ 8, Nguyễn Khuyến, Hà Đông, Hà Nội	Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư tự động hóa
6	Nguyễn Chí Thanh	Phó Giám đốc	Nam	06/12/1974	Việt Nam	4A Lê Thánh Tông, Hà Nội	Thạc sỹ
7	Trần Đình Thanh	Phó Giám đốc	Nam	27/7/1960	Việt Nam	Số 4, ngõ 463/28/9 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	Kỹ sư chế tạo máy
8	Trần Đăng Tuyết	Phó Giám đốc	Nam	22/02/1964	Việt Nam	Số 85, ngõ 190, Tổ 1, Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	Thạc sỹ

**\* Đánh giá chung về công tác quản lý nhân sự:**

- Bộ máy quản lý điều hành Công ty là xương sống, là động lực quyết định về mọi hoạt động của Công ty do đó Công ty luôn trú trọng đến công tác quản lý nhân sự, cán bộ quản lý Công ty luôn chủ động sáng tạo, đổi mới tư duy làm việc, sử dụng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu thực tế. Chủ động đưa ra những phương án sử dụng nguồn nhân lực một cách hiệu quả nhất, tránh thụ động trong việc bổ sung, thay thế, luân chuyển CBCNV trong toàn Công ty.

- Trong công tác quản lý nhân sự, Công ty luôn thực hiện việc phân cấp quản lý, giao quyền chủ động và trách nhiệm cho thủ trưởng các đơn vị trong lĩnh vực huy động nguồn lực tạm thời trong năm sản xuất kinh doanh. Tạo điều kiện cho các đơn vị triển khai hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị mình nói riêng và toàn Công ty nói chung. Các đơn vị chủ động quan hệ với các cơ quan công quyền, cơ quan chức năng và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội phù hợp tương ứng để duy trì hoạt động hệ thống của đơn vị theo quy chế của Công ty.

Hoàn thành công tác sắp xếp, tái cơ cấu chức năng nhiệm vụ, lao động tại các đơn vị trực thuộc Công ty; thực hiện việc sát nhập, giải thể và bàn giao tài sản, lao động (tại các Chi nhánh Hữu Lũng, Bắc Giang, Thái Nguyên); từ 6 chi nhánh hình thành 3 chi nhánh gồm Chi nhánh Công ty cổ phần Ngân Sơn tại TP Lạng Sơn; Chi nhánh Công ty cổ phần Ngân Sơn tại huyện Bắc Sơn; Chi nhánh Công ty cổ phần Ngân Sơn tại tỉnh Bắc Kạn; Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động tại các chi nhánh để làm cơ sở cho hoạt động của các chi nhánh;

Chuyển đổi mô hình tổ chức của Phân xưởng tách cọng, thành lập mới Phân xưởng sợi; Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của hai phân xưởng cũng như sắp xếp bố trí

lao động của hai phân xưởng đi vào ổn định đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Xây dựng chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, tham gia việc sắp xếp bố trí, luân chuyển cán bộ theo đúng quy định và đáp ứng yêu cầu nhanh chóng, ổn định cơ cấu lao động để phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh của các phòng ban nói riêng và của Công ty nói chung. Trong năm 2018 thực hiện điều động, điều chuyển khoảng 60 lao động đảm bảo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;

Số lao động tuyển dụng của toàn Công ty tính đến tháng 31/12 năm 2018 là 95 lao động (bao gồm 7 lao động Người nước ngoài), tương ứng số lượng trình độ lao động tuyển dụng tại các khối như sau:

Bảng 1.1. Số lượng và trình độ lao động tuyển dụng tại các khối trong 2018

TT	Khối	Trình độ					Tổng
		Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Bằng nghề, Sơ cấp	LĐPT	
<b>1</b>	<b>Sản xuất công nghiệp</b>	6	13	12	13	27	<b>71</b>
1.1	Phân xưởng tách cọng	1	7	4	4	19	35
1.2	Phân xưởng sợi	5	6	8	9	8	36
<b>2</b>	<b>Sản xuất nông nghiệp</b>	8	1	1	0	5	<b>15</b>
2.1	Chi nhánh Bắc Kạn	2	1	1	0	3	7
2.2	Chi nhánh Bắc Sơn	5				1	6
2.3	Chi nhánh Lạng Sơn	1				1	2
<b>3</b>	<b>Văn phòng</b>	8				1	<b>9</b>
	<b>Tổng</b>	<b>22</b>	<b>14</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>33</b>	<b>95</b>

Lao động tuyển dụng đảm bảo theo kế hoạch lao động và phù hợp yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khối Sản xuất công nghiệp tuyển dụng tổng 71 lao động, trong đó 36 lao động phân xưởng sợi và 35 lao động phân xưởng tách cọng. Số lao động tuyển mới cho khối công nghiệp tăng do phân xưởng sợi mới hình thành và đi vào hoạt động trong tháng 8/2018. Trong 71 lao động mới tuyển dụng mới có 6 lao động trình độ Đại học, 13 lao động trình độ Cao đẳng, 12 lao động trình độ Trung cấp, 8 lao động có Bằng nghề, còn lại 27 lao động phổ thông. Các lao động có bằng nghề trở lên đều có chuyên ngành điện, hàn, cơ khí, tiện,... Các lao động này đều đáp ứng được yêu cầu công việc và phát huy tốt ở vị trí công việc được giao.

Khối Sản xuất nông nghiệp tuyển dụng mới 15 lao động, trong đó 8 lao động có trình độ Đại học chuyên ngành nông nghiệp, 01 lao động trình độ cao đẳng, 01 lao động trình độ trung cấp và 5 lao động phổ thông.

Khối Văn phòng tuyển dụng mới 9 lao động, trong đó 8 lao động có trình độ Đại học các chuyên ngành, 1 lao động phổ thông đảm nhận vị trí lái xe, phù hợp với công việc được bố trí.

Trong đó tỷ lệ trình độ lao động tuyển mới, cụ thể như sau:

- + Trình độ trên Đại học chiếm:  $0/95 \approx 0,0\%$
- + Trình độ Đại học, Cao đẳng chiếm:  $36/95 \approx 37,8\%$

+ Lao động phổ thông chiếm:  $59/95 \approx 62,1\%$

- Tuy nhiên trong năm 2018 đã có 52 lao động chấm dứt HĐLĐ với số tiền trợ cấp là: 180.858.225 đồng.

Trong đó tỷ lệ trình độ lao động chấm dứt, cụ thể như sau:

+ Trình độ đại học, cao đẳng:  $19/52 = 36,5\%$ .

+ Trình độ trung cấp:  $09/52 = 17,3\%$

+ Công nhân, LĐPT:  $24/52 = 46,1\%$

#### **a) Về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Công ty.**

Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo cho CBCNV trong năm 2018 ở nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau.

Trong năm 2018 đã tổ chức 17 lớp đào tạo, có 6 lớp tổ chức tại Công ty và 11 lớp gửi học viên đi đào tạo ở bên ngoài. Số lượt học viên được đào tạo là 636 học viên với kinh phí xấp xỉ 336 triệu đồng.

Các lớp đào tạo được tổ chức dựa trên kế hoạch đào tạo đầu năm. Các nội dung đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động, góp phần vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lĩnh vực đào tạo tập trung vào bồi dưỡng cán bộ nắm trong quy hoạch, nguồn cán bộ quản lý cấp trung; đào tạo chuyên môn về sản xuất thuốc lá; tập huấn liên quan chế độ chính sách BHXH, BHYT, thuế, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, hải quan, quản lý kho bãi, ATVSLĐ,... Kết quả đào tạo góp phần thay đổi tư duy của người lao động với vị trí công việc hiện tại và tương lai, giúp công việc được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả, chính xác. Cụ thể:

- Đào tạo nguồn lao động giỏi về chuyên môn, có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm đáp ứng yêu cầu công việc;

- Đào tạo nâng cao trình độ cho các đối tượng lao động không có bằng cấp hoặc bằng cấp chưa phù hợp với vị trí công việc đảm nhiệm;

- Chú trọng công tác tự đào tạo trong Công ty để đáp ứng nhu cầu đào tạo công việc cụ thể tại vị trí công việc;

- Nâng cao chuyên môn, quản lý cho cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung và cán bộ nguồn tại tất cả các vị trí công việc.

Các kết quả trên tuy còn khiêm tốn nhưng bước đầu đã góp phần thay đổi tư duy quản trị, nâng cao chất lượng lao động, gắn kết các cá nhân cùng nhau hoàn thành các kế hoạch Công ty giao trong năm 2018.

#### **b) Công tác lao động tiền lương và đảm bảo chế độ chính sách.**

Trong năm 2018 đã triển khai xây dựng xong Quy chế tiền lương mới phù hợp với các quy định.

Bổ sung sửa đổi Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty theo các Nghị định, Thông tư mới và đã được HĐQT Công ty ký ban hành;

Thực hiện đầy đủ các chế độ về bảo hiểm cho người lao động. Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định. Ngoài ra còn đảm bảo các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí.... Phát thẻ, đổi thẻ khám chữa bệnh của CBCNV đúng theo quy định, không để xảy ra sai sót nhầm lẫn. Vận động 100% CBCNV Công ty mua bảo hiểm thân thể nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Hoàn thành công tác rà soát đối chiếu cho 189 người lao động đóng BHXH tại Sóc Sơn và hoàn thành việc trả sổ bảo hiểm cho tất cả người lao động tại Công ty.

Trong năm thanh toán đầy đủ các chế độ về bảo hiểm cho người lao động; Thực hiện chế độ chính sách: thanh toán chế độ cho 75 lượt lao động với tổng số tiền đã thanh toán là 333.000.000 đồng.



**c) Công tác ATVSLĐ, PCCN và một số công tác khác**

Hội đồng Bảo hộ lao động Công ty kiểm tra việc thực hiện các chế độ bảo hộ lao động tại các đơn vị. Tổ chức huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, đảm bảo an toàn cho người lao động theo đúng quy định.

Phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng quý. Tổng hợp, hoàn thiện các thủ tục xét thi đua khen thưởng theo đợt phát động và thi đua cuối năm theo hướng dẫn của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và Luật thi đua khen thưởng.

Thực hiện nghiêm túc công tác PCCN, PCLB.

Thực hiện đúng theo các quy định về giờ làm việc, chế độ với lao động nữ, lao động nuôi con nhỏ.

Đảm bảo môi trường và cảnh quan sáng – xanh – sạch – đẹp chú trọng, giúp bảo vệ sức khỏe và nâng cao hiệu quả công việc cho CBCNV.

Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, công tác tiết kiệm, chống lãng phí theo bản đăng ký cá nhân và tập thể.

Duy trì và thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn 9001-2008 và 14001-2004.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong toàn Công ty.

Phối hợp chặt chẽ và tiếp thu cầu thị các ý kiến phản hồi qua tổ chức Công đoàn và các vấn đề liên quan về nghiệp vụ.

Xây dựng và hoàn thành các Quy chế về chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; Quy chế tổ chức hoạt động của 3 chi nhánh và quy định hoạt động của 2 phân xưởng;

Áp dụng phần mềm chấm công mới, tính công chuyên nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, độ chính xác và rút ngắn thời gian tổng hợp công cũng như không tăng lao động của phòng.

**3. Tình hình tài chính:**

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2017	31/12/2018	So sánh (%) 2018/2017
<b>1</b>	<b>Một số chỉ tiêu chính</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản , nguồn vốn</b>	456.725.201.111	406.219.166.697	<b>88,9</b>
<b>2</b>	<b>Các khoản phải thu (ngắn hạn + dài hạn)</b>	157.601.197.951	76.819.572.845	<b>48,7</b>
	<i>Trong đó: - Phải thu khách hàng</i>	108.070.901.674	74.641.963.452	69,1
	<i>- Phải thu khác</i>	49.530.296.277	2.177.609.393	4,4
<b>3</b>	<b>Các khoản phải trả (ngắn hạn + dài hạn)</b>	285.079.560.650	227.324.898.764	<b>79,7</b>
	<i>Trong đó: - Phải trả ngân hàng</i>	168.966.331.783	158.706.457.212	93,9
<b>4</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	135.341.190.829	155.161.789.176	<b>114,6</b>
	<i>Trong đó: Kém mát phẩm chất</i>	-	-	
<b>5</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	171.645.640.461	178.894.267.933	<b>104,5</b>

1007  
NG T  
PH  
LN S  
U - T. B

	<i>Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	112.020.030.000	112.020.030.000	100,0
6	<b>Tổng doanh thu thuần + tài chính + thu nhập khác</b>	664.322.448.338	616.743.746.158	<b>92,8</b>
7	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	16.045.097.467	16.759.966.143	<b>104,5</b>
<b>II</b>	<b>Các chỉ số tài chính</b>			
<b>1</b>	<b>Bố trí Cơ cấu tài sản</b>			
1.1	Tài sản cố định / Tổng tài sản	29,01%	35,74%	123,2
1.2	Tài sản lưu động / Tổng tài sản	70,99%	64,26%	90,5
<b>2</b>	<b>Bố trí Cơ cấu nguồn vốn</b>			
2.1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	62,42%	55,96%	89,7
2.2	Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	37,58%	44,04%	117,2
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
3.1	Khả năng thanh toán hiện hành	1.14	1.15	101,0
3.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	2.06	1.27	100,8
3.3	Khả năng thanh toán nhanh	1.20	0.52	70,2
<b>4</b>	<b>Các chỉ tiêu sinh lợi</b>			
<b>5</b>	<b>Các chỉ số khác</b>			
5.1	<i>Vòng quay hàng tồn kho</i>	<i>3.43</i>	<i>3.49</i>	<i>101,9</i>
	<i>Số ngày 1 vòng quay</i>	<i>104.98</i>	<i>103.05</i>	<i>226,1</i>
5.2	Vòng quay các khoản phải thu	3.55	5.22	98,2
	<i>Kỳ thu tiền bình quân</i>	<i>101.42</i>	<i>68.98</i>	<i>147,0</i>
5.3	Vòng quay vốn lưu động	1.73	2.09	68,0
	<i>Số ngày 1 vòng quay</i>	<i>208.66</i>	<i>172.22</i>	<i>121,2</i>
5.4	Vòng quay vốn kinh doanh	3.26	3.49	107,1
	<i>Số ngày 1 vòng quay</i>	<i>110.46</i>	<i>103.15</i>	<i>93,4</i>

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### 4.1. Cơ cấu cổ đông:

##### 4.1.1. Cổ đông trong nước:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước đến 20/08/2018:

- + Cổ đông nhà nước: 6.463.589 cổ phần
- + Tổ chức, cá nhân trong nước: 3.777.384 cổ phần
- + Tổ chức, cá nhân nước ngoài: 961.030 cổ phần

- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 6.463.589 cổ phiếu tương ứng với 64.635.890.000 đồng, chiếm 57,70 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long nắm giữ 722.640 cổ phiếu tương ứng với 7.226.400.000 đồng, chiếm 6,45 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn nắm giữ 681.346 cổ phiếu tương ứng với 6.813.460.000 đồng chiếm 6,08 % vốn điều lệ.



- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá năm giữ 566.101 cổ phiếu tương ứng với 5.661.010.000 đồng chiếm 5,05 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa năm giữ 436.468 cổ phiếu tương ứng với 4.364.680.000 đồng chiếm 3,9 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Bắc Sơn năm giữ 25.902 cổ phiếu tương ứng với 259.020.000 đồng chiếm 0,23% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác năm giữ 2.305.957 cổ phần tương ứng với 23.059.570.000 đồng, chiếm 20,59% vốn điều lệ.

4.1.2. Cổ đông nước ngoài:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài đến hết 20/08/2018:

+ Cổ đông tổ chức: 710.300 cổ phần;

+ Cổ đông cá nhân: 250.730 cổ phần.

- Tổng số lượng năm giữ của cổ đông nước ngoài: 961.030 cổ phần chiếm 8,57% vốn điều lệ Công ty.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ năm giữ cổ phần của thành viên HĐQT đến 20/08/2018:

**Ông Nguyễn Nam Giang:**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phần năm giữ: 3.444.616 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu nhà nước: 3.444.616 cổ phần*

*(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)*

*Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

Tỷ lệ năm giữ: 30,75%

**Ông Nguyễn Đình Trường :**

Ủy viên Hội đồng quản trị

Số lượng năm giữ: 566.101 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu nhà nước: 566.101 cổ phần*

*Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

Tỷ lệ năm giữ: 5%

**Ông Đỗ Điệp Anh:**

Ủy viên Hội đồng quản trị

Số lượng năm giữ: 722.640 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu tập thể: 722.640 cổ phần*

*(Đại diện cho Công ty TNHH 1 thành viên Thuốc lá Thăng Long)*

*Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

Tỷ lệ năm giữ: 6,45%

**Ông Nguyễn Anh Tuấn:**

Ủy viên Hội đồng quản trị

Số lượng năm giữ: 1.130.104 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu Nhà nước: 1.120.200 cổ phần*

*(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)*

*Sở hữu cá nhân: 9.904 cổ phần*

Tỷ lệ năm giữ: 10,09%

**Ông Nguyễn Đức Thanh:**

Ủy viên Hội đồng quản trị

Số lượng năm giữ: 1.120.200 cổ phần

*Trong đó: Sở hữu Nhà nước: 1.120.200 cổ phần*

*(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)*

*Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*

Tỷ lệ: 10%

## C. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

#### 1. Tình hình chung

##### 1.1. Thuận lợi

- Chính sách định hướng vĩ mô về thị trường tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các công ty thuốc lá điều quan tâm song hành trong ứng vốn ngay từ đầu vụ sản xuất tạo nguồn tài chính chủ động, tăng cường năng lực tài chính, đầu tư vật tư nông nghiệp trong sản xuất. Tạo tiền đề nâng cao chất lượng, góp phần ổn định phát triển bền vững trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Giấy phép chế biến sợi thuốc lá được cấp tháng 5/2018 tạo cơ hội cho Công ty sản xuất khép kín trong gia công chế biến và mở ra hướng kinh doanh sợi thuốc lá. Từ đó tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động và tăng nguồn thu cho Công ty.

- Chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Công ty ban hành với mục tiêu tiếp tục cơ cấu, sắp xếp nguồn lực hợp lý, tăng cường quản lý tinh gọn để tập trung trọng điểm vào những thế mạnh của Công ty, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Dây chuyền chế biến tách cọng liên tục được cải tiến phù hợp yêu cầu sản xuất, đội ngũ lao động có kinh nghiệm cùng quy trình sản xuất nghiêm ngặt đã tạo ra sản phẩm đạt chất lượng, được khách hàng tin cậy... là lợi thế thu hút khách hàng gia công.

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp được sắp xếp và tái cơ cấu theo hướng nâng cao năng lực quản lý, tập trung đầu tư đúng, đủ theo mục tiêu tăng đầu tư trực tiếp, giảm đầu tư gián tiếp và các khâu trung gian góp phần nâng cao chất lượng nguyên liệu, tập trung hóa các vùng chuyên canh có chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ,

- Lãi suất ngân hàng ổn định trong năm 2018 tạo điều kiện thuận lợi trong công tác hoạch định giá thành, chi phí tài chính trong cơ cấu giá thành sản phẩm,

- Sự hợp tác truyền thống trong các mối quan hệ với nhà cung ứng; chính quyền vùng nguyên liệu, nông dân trồng thuốc lá, các đơn vị liên doanh, liên kết; các nhà máy thuốc lá điều... là thế mạnh của Công ty trong kinh doanh.

##### 1.2. Khó khăn

- Áp lực về tài chính, dòng tiền trong năm 2018 gặp khó khăn do Công ty thực hiện đầu tư thêm cơ sở hạ tầng phục vụ cho Dự án dây chuyền chế biến sợi và kho tàng.

- Thị trường tiêu thụ xuất khẩu gặp khó khăn trong công tác phát triển thị trường do ảnh hưởng bởi các yếu tố địa chính trị và sự dư thừa nguồn cung nguyên liệu.

- Cạnh tranh trong lĩnh vực gia công chế biến đã tác động mạnh tới thị trường dịch vụ sơ chế tách cọng theo hướng cạnh tranh về giá gia công, dịch vụ...

- Dây chuyền sợi bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 6/2018 là lĩnh vực hoàn toàn mới đối với Công ty, cùng với việc hợp tác với Công ty đối tác HanChen bước đầu không tránh khỏi những bị động trong phối hợp sản xuất. Bên cạnh đó, lao động cho dây chuyền sợi phần nhiều là lao động mới nên công tác tổ chức cho hoạt động dây chuyền sợi trong giai đoạn đầu gặp không ít khó khăn dẫn đến hiệu quả đạt được chưa cao.

- Nguồn lực cơ sở hạ tầng kho bảo quản hàng hóa của Công ty còn hạn chế và Công ty phải thuê thêm kho ngoài phục vụ cho hoạt động SXKD dẫn đến nguồn lực không tập trung là khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa Công ty và phát sinh tăng chi phí.

- Lĩnh vực nông nghiệp ảnh hưởng do sự dịch chuyển của lao động phổ thông tại các tỉnh miền núi phía Bắc từ nông nghiệp sang lĩnh vực khác ảnh hưởng tiến độ phân cấp đóng kiện, giá thành sản phẩm.

#### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ Đại hội

## 2.1. Về chức năng nhiệm vụ quản trị chung theo Điều lệ

Năm 2018, sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành được thể hiện chặt chẽ, thường xuyên, tích cực chủ động phân tích dự báo tình hình, nhận định đánh giá các yếu tố liên quan, có tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị sớm thống nhất quan điểm và đưa ra các quyết sách định hướng đúng làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức triển khai, kinh doanh và nỗ lực cố gắng cao nhất đạt được mục tiêu kế hoạch.

**Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 được thể hiện cụ thể như sau:**

STT	Số Nghị quyết	Các nội dung chính của NQ
1	14/NQ-NSC ngày 10/01/2018	Phê duyệt chức năng nhiệm vụ của các phòng, phân xưởng và Quy chế tổ chức và hoạt động của các chi nhánh nguyên liệu
2	30/NQ-NSC ngày 23/01/2018	- Thông qua kết quả SXKD năm 2017
		- Hàng tồn kho: 1.000 tấn nguyên liệu, HĐQT yêu cầu tiêu thụ hết trước 30/6/2018.
		- Về Kế hoạch lao động năm 2018: Thông qua kế hoạch lao động năm 2018: 548 người. Yêu cầu bổ sung bản mô tả công việc của Dây chuyền sợi
		Thông qua quỹ lương năm 2018
		Tiến độ thực hiện dự án dây chuyền sợi
		Về Định mức KTKT năm 2018 yêu cầu bổ sung số liệu so sánh thực hiện năm 2017
3	142b/NQ-NSC ngày 19/03/2018	Về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Công ty
		Nghị quyết chấm dứt hoạt động của XNCB
4	157/NQ-NSC ngày 28/3/2018	Thông qua thời gian tổ chức, các báo cáo và tờ trình tại ĐHCĐ năm 2018
		Thông qua khung giá sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá năm 2018
		Thông qua khung giá và sản lượng mua nguyên liệu thuốc lá vụ Thu năm 2017
		Tờ trình về miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ quản lý tại Công ty.
5	165/NQ-NSC ngày 30/3/2018	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2018
6	175/NQ-NSC ngày 05/4/2018	Thông qua Bầu Ông Nguyễn Nam Giang là thành viên Hội đồng quản trị Công ty
7	Nghị quyết số 240/NQ-NSC ngày 24/4/2018 (ĐHCĐ thường niên 2018)	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
8	288/NQ-NSC ngày 21/5/2018	Nghị quyết điều chỉnh thời gian đưa dự án dây chuyền sợi vào khai thác sử dụng.
9	291/NQ-NSC ngày 22/5/2018	Thông qua kết quả KQSXKD quý I/2018. Yêu cầu Giám đốc Công ty bổ sung giải trình lợi nhuận âm của quý I/2018 trong báo cáo.
		Thông qua kế hoạch SXKD quý II/2018

		Thông qua Định mức Kinh tế kỹ thuật 2018
		Thông qua Khung giá mua nguyên liệu thuốc lá vụ Xuân năm 2018
		Thông qua tờ trình quyết toán quỹ lương 2017
10	394/NQ-NSC ngày 27/6/2018	Nghị quyết mua xe ô tô phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
		Kế hoạch sản xuất quý III năm 2018
		Thông qua tờ trình nâng bậc lương cho Người quản lý Công ty
		Thông qua Tờ trình khắc con dấu mới của Công ty
11	429/NQ-NSC ngày 16/7/2018	Thông qua đề án “Chiến lược ổn định và phát triển Công ty Cổ phần Ngân Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”
12	493/NQ-NSC ngày 20/08/2018	Thông qua hợp đồng vay vốn ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đông Anh
13	528/NQ-NSC ngày 07/09/2018	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành kho lạnh số 02.
14	604/NQ-NSC ngày 23/10/2018	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm.
		Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 tháng cuối năm và cả năm 2018.
		Thông qua các Tờ trình về kế hoạch diện tích, chính sách đầu tư năm 2019
		Thông qua Tờ trình quy hoạch mặt bằng tổng thể Công ty
		Thông qua chủ trương xây dựng các kho bảo quản nguyên liệu trên đất quy hoạch của Công ty.
15	703/NQ-NSC ngày 03/12/2018	Ban hành Quy chế thi đua khen thưởng Công ty Cổ phần Ngân Sơn.

Trong năm, HĐQT đã họp 07 phiên, trong đó có 4 phiên họp thường kỳ và 3 phiên họp bất thường và nhiều lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản. Tại các phiên họp, HĐQT tập trung đánh giá kết quả SXKD từng giai đoạn, định hướng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD cho kỳ tiếp sau và cả năm.

Ngày 24/04/2018, Công ty đã tiến hành tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2018, thông qua nhiều nội dung quan trọng như Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018; Báo cáo hoạt động năm 2017 và chương trình công tác năm 2018 của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018; Bầu bổ sung thành viên Thành viên Hội đồng quản trị; Bổ sung ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ Công ty cổ phần Ngân Sơn; Mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách.

### 3. Đánh giá chung kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Mặc dù tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, thách thức, các doanh nghiệp nói chung và Công ty gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư SXKD và nhiều hoạt động khác. Nhưng HĐQT và Ban điều hành đã hợp tác chặt chẽ, toàn tâm, toàn ý với tinh thần trách nhiệm cao, đã có nhiều chủ trương định hướng đúng, nhiều giải pháp triển khai tích cực quyết liệt và linh hoạt trong quản lý điều hành SXKD trên tất cả các lĩnh vực



sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, thương mại và một số hoạt động xã hội khác. Tích cực tìm hiểu và nhạy bén nắm bắt tình hình thị trường, khai thác nguồn và dự báo nhu cầu của khách hàng; Khắc phục nhược điểm, đổi mới cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm mới; tạo nhiều mối quan hệ tốt về đối nội, đối ngoại, khéo léo xử lý, giải quyết công nợ để giảm chi phí lãi vay, huy động kịp thời và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông đã quyết nghị.

**\* Kết quả sản xuất kinh doanh đã thực hiện trong năm 2018:**

Năm 2018 với nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Ngân Sơn cùng sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo Tổng công ty, các công ty thuộc lá điều thành viên của Vinataba. Công ty đảm bảo việc làm cho người lao động, các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty như sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp thực hiện đạt và vượt kế hoạch. Kết quả SXKD như sau:

- Doanh thu: đạt 611.708 tr.đ. bằng 87,4% so KH 2018 và bằng 92,5% so CKNT.
- Lợi nhuận: đạt 16.760 tr.đ. bằng 101,5% so KH 2018 và bằng 104,5% so CKNT.
- Thu nhập bình quân đạt 8.7 triệu đồng/người/tháng. bằng 114,5% so kế hoạch năm 2018 và bằng 116,0% so CKNT.

**3.1. Tình hình lao động, thu nhập của người lao động**

Năm 2018. Công ty tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc Khối Văn phòng, cụ thể: Khối các Phòng chuyên môn chuyển đổi từ 8 Phòng chuyên môn thành 6 Phòng chuyên môn và chuyển đổi mô hình hoạt động Xí nghiệp chế biến thành Phân xưởng tách cọng nguyên liệu thuốc lá. đồng thời thành lập Phân xưởng sản xuất chế biến sợi thuốc lá. Công ty ban hành chức năng nhiệm vụ các phòng chuyên môn và 02 phân xưởng, sắp xếp bố trí, luân chuyển cán bộ đảm bảo phù hợp cho hoạt động từng đơn vị để phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Công ty. Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đến 31/12/2018 là 390 lao động, tăng 39 lao động so đầu năm 2018 chủ yếu tăng lao động cho hoạt động phân xưởng sợi. Thu nhập bình quân thực hiện năm 2018 đạt 8.7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14,5% so kế hoạch và tăng 16% so CKNT.

**3.3. Về công tác xây dựng chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025. tầm nhìn đến năm 2030:**

Được sự chấp thuận của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, ngày 20 tháng 08 năm 2018. Hội đồng quản trị đã ban hành Chiến lược ổn định và phát triển Công ty Cổ phần Ngân Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Để nội dung Chiến lược Công ty đi vào thực tiễn. Công ty tiếp tục phối hợp với Viện nghiên cứu phát triển Chiến lược tổ chức khóa đào tạo “Chuyển giao Chiến lược Công ty Cổ phần Ngân Sơn” diễn ra vào đầu tháng 3 năm 2019 chính là bước đi đầu tiên để các nội dung Chiến lược Công ty được lan tỏa đến toàn thể CBNV Công ty.

Ngoài ra. Công ty cũng đang phối hợp với Viện nghiên cứu phát triển Chiến lược áp dụng công cụ cải tiến năng suất, chất lượng tại 02 phân xưởng với các mục tiêu:

- Tạo nền tảng thay đổi tư duy trong quản lý sản xuất, nâng cao nhận thức về nhận diện các lãng phí và phương pháp sản xuất tinh gọn;
- Nâng cao năng lực tổ chức quản lý sản xuất và giải quyết vấn đề trong quá trình sản xuất. góp phần nâng cao năng suất;
- Giảm thiểu, loại bỏ các lãng phí trong sản xuất (lãng phí di chuyển, thao tác, sai lỗi);
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gọn gàng, nâng cao tinh thần làm việc;

- Nâng cao uy tín và hình ảnh của Công ty.

### **3.4. Công ty quản lý đầu tư:**

Năm 2018 công tác xây dựng cơ bản tiếp tục được triển khai nhanh chóng, kịp thời đáp ứng yêu cầu về cải tạo và đầu tư mới các hạng mục công trình, đặc biệt là việc hoàn thành các hạng mục đảm bảo cho dây chuyền sợi chính thức đi vào hoạt động từ cuối Quý II/2018. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng thêm kho tại Chi nhánh trực thuộc để nâng cao năng lực bảo quản, đồng thời phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện quy hoạch tổng thể mặt bằng khu Văn phòng Công ty (KCN Tiên Sơn) nhằm phục vụ chuẩn bị cho việc đầu tư thêm hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực kho chứa, giảm bớt chi phí thuê kho bên ngoài của Công ty.

### **3.5. Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư:**

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ công tác cung cấp các thông tin liên quan trong quá trình điều hành theo quy định của pháp luật đối với tổ chức niêm yết, phục vụ kịp thời các ý kiến của cổ đông, Báo cáo quản trị, Báo cáo tài chính và các tài liệu khác về cơ bản được công bố đúng hạn.

- Tất cả những quyền lợi của Cổ đông theo quy định của Điều lệ, pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đều được nghiêm túc thực hiện.

## **4. Kết luận:**

### **4.1. Một số tồn tại của Hội đồng quản trị cần khắc phục:**

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã rất quyết liệt chỉ đạo và giám sát trong các hoạt động sản xuất kinh doanh các chỉ tiêu quan trọng như lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức đều vượt kế hoạch của ĐHCĐ giao tuy nhiên chỉ tiêu doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra ( đạt 611.708 tr.đ, bằng 87,4% so KH 2018 và bằng 92,5% so CKNT), HĐQT, Ban điều hành cần có giải pháp cho năm 2019.

### **4.2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:**

Năm 2018, Ban Giám đốc đã có nhiều sự nỗ lực trong công tác điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông cũng như của HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được năm 2018. Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt một số công việc nổi bật như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, chất lượng.

- Lợi nhuận vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao (16.5 tỷ kế hoạch/16.760 tỷ thực hiện).

- Giữ vững sản xuất, đảm bảo, cải thiện thu nhập cho người lao động (8.7 triệu đồng/người/tháng, bằng 114,5% so kế hoạch năm 2018 và bằng 116,0% so CKNT).

Bên cạnh đó, một số hạn chế cần được Ban giám đốc khắc phục để đảm bảo duy trì tốc độ phát triển của Công ty:

Bộ máy tham mưu vẫn còn tồn tại một số bộ phận hoạt động chưa linh hoạt và hiệu quả khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức.

Công tác điều hành mở rộng diện tích vùng trồng và nâng cao năng suất chất lượng nguyên liệu chưa đạt được theo kế hoạch của Hội đồng quản trị giao.

Với các chỉ tiêu doanh thu chưa đạt kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT giao.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm tài chính 2018.



## **PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019**

### **1. Một số chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2019:**

Dựa trên đánh giá các yếu tố thuận lợi, khó khăn, nguồn lực hiện có của Công ty. Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2019 như sau:

- Doanh thu: 700.000 triệu đồng, (tăng) 14,4% so thực hiện năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế: 17.000 triệu đồng, bằng 101,4% so thực hiện năm 2018.
- Nộp Ngân sách: 3.500 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân của CBCNV đạt 8,7 triệu đồng/ người/ tháng, bằng 100% so với thực hiện năm 2018.
- Tỷ lệ cổ tức 10%.

### **2. Một số định hướng phát triển và chương trình công tác của HĐQT Công ty năm 2019**

Nhận định năm 2019, tình hình ngành thuốc lá tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chịu sức ép cạnh tranh ngày càng tăng của các đơn vị trong và ngoài ngành ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị, với phương châm chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2019 với những nội dung chính sau:

- Chỉ đạo xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

- Định hướng, chỉ đạo sát sao các công trình xây dựng cơ bản tại trụ sở Công ty: như kho thành phẩm số 8 và kho 9 nhằm giảm bớt tình trạng thuê kho ngoài, giảm chi phí cho Công ty.

- Cùng cố và nâng cao hình ảnh thương hiệu Công ty Cổ phần Ngân Sơn.

- Định hướng, chỉ đạo sát sao việc triển khai đề án “Chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

- Tiếp tục làm việc để Tổng công ty hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc tiêu thụ nguyên liệu giữa Công ty Cổ phần Ngân Sơn với các công ty thuộc điều trong tổ hợp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong toàn Công ty, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan.

- Thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị.

## **D. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

### **PHẦN I: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

#### **1. Đánh giá tình hình chung**

##### **1.1. Thuận lợi**

- Chính sách định hướng vĩ mô về thị trường tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty và các công ty thuộc lá điều quan tâm song hành trong ứng vốn ngay từ đầu vụ sản xuất tạo nguồn tài chính chủ động, tăng cường năng lực tài chính, đầu tư vật tư nông nghiệp trong

sản xuất. Tạo tiền đề nâng cao chất lượng, góp phần ổn định phát triển bền vững trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Giấy phép chế biến sợi thuốc lá được cấp tháng 5/2018 tạo cơ hội cho Công ty sản xuất khép kín trong gia công chế biến và mở ra hướng kinh doanh sợi thuốc lá. Từ đó tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động và tăng nguồn thu cho Công ty.

- Chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Công ty ban hành với mục tiêu tiếp tục cơ cấu, sắp xếp nguồn lực hợp lý, tăng cường quản lý tinh gọn để tập trung trọng điểm vào những thế mạnh của Công ty, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Dây chuyền chế biến tách cọng liên tục được cải tiến phù hợp yêu cầu sản xuất. đội ngũ lao động có kinh nghiệm cùng quy trình sản xuất nghiêm ngặt đã tạo ra sản phẩm đạt chất lượng, được khách hàng tin cậy.... là lợi thế thu hút khách hàng gia công.

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp được sắp xếp và tái cơ cấu theo hướng nâng cao năng lực quản lý. tập trung đầu tư đúng, đủ theo mục tiêu tăng đầu tư trực tiếp, giảm đầu tư gián tiếp và các khâu trung gian góp phần nâng cao chất lượng nguyên liệu. tập trung hóa các vùng chuyên canh có chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ.

- Lãi suất ngân hàng ổn định trong năm 2018 tạo điều kiện thuận lợi trong công tác hoạch định giá thành, chi phí tài chính trong cơ cấu giá thành sản phẩm.

- Sự hợp tác truyền thống trong các mối quan hệ với nhà cung ứng: chính quyền vùng nguyên liệu, nông dân trồng thuốc lá, các đơn vị liên doanh, liên kết; các nhà máy thuốc lá điếu.... là thế mạnh của Công ty trong kinh doanh.

### **1.2. Khó khăn**

- Áp lực về tài chính, dòng tiền trong năm 2018 gặp khó khăn do Công ty thực hiện đầu tư thêm cơ sở hạ tầng phục vụ cho Dự án dây chuyền chế biến sợi và kho tàng.

- Thị trường tiêu thụ xuất khẩu gặp khó khăn trong công tác phát triển thị trường do ảnh hưởng bởi các yếu tố địa chính trị và sự dư thừa nguồn cung nguyên liệu.

- Cạnh tranh lĩnh vực gia công chế biến đã tác động mạnh tới thị trường dịch vụ sơ chế tách cọng theo hướng cạnh tranh về giá gia công, dịch vụ....

- Dây chuyền sợi bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 6/2018 là lĩnh vực hoàn toàn mới đối với Công ty, cùng với việc hợp tác với Công ty đối tác HanChen, bước đầu không tránh khỏi những bị động trong phối hợp sản xuất. Bên cạnh đó, lao động cho dây chuyền sợi phần nhiều là lao động mới nên công tác tổ chức cho hoạt động dây chuyền sợi trong giai đoạn đầu gặp không ít khó khăn dẫn đến hiệu quả đạt được chưa cao.

- Nguồn lực cơ sở hạ tầng kho bảo quản hàng hóa của Công ty còn hạn chế và Công ty phải thuê thêm kho ngoài phục vụ cho hoạt động SXKD dẫn đến nguồn lực không tập trung là khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa Công ty và phát sinh tăng chi phí.

- Lĩnh vực nông nghiệp ảnh hưởng do sự dịch chuyển của lao động phổ thông tại các tỉnh miền núi phía Bắc từ nông nghiệp sang lĩnh vực khác ảnh hưởng tiến độ phân cấp đóng kiện. giá thành sản phẩm.

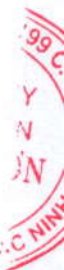
## **2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018**

### **2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018**

Năm 2018 với nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Ngân Sơn cùng sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo Tổng công ty, các công ty thuốc lá điếu thành viên của Vinataba. Công ty đảm bảo việc làm cho người lao động, các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty như sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp thực hiện đạt và vượt kế hoạch, Kết quả SXKD như sau:

- Doanh thu: đạt 611.708 tr.đ. bằng 87,4% so KH 2018 và bằng 92,5% so CKNT.

- Lợi nhuận: đạt 16.760 tr.đ. bằng 101,5% so KH 2018 và bằng 104,5% so CKNT.





- Thu nhập bình quân đạt 8.7 triệu đồng/người/tháng. bằng 114,5% so kế hoạch năm 2018 và bằng 116,0% so CKNT.

## **2.2. Đánh giá hoạt động SXKD năm 2018 theo lĩnh vực hoạt động**

### **2.2.1. Lĩnh vực sản xuất, thu mua nguyên liệu**

- Diện tích đầu tư đạt 3.546 ha, bằng 98,0% so kế hoạch năm 2018 và bằng 103,5% so CKNT. Trong đó, diện tích đầu tư trực tiếp đạt 1.683 ha, bằng 99,0% so kế hoạch năm 2018 và bằng 119% so CKNT. Diện tích thực hiện năm 2018 giảm so kế hoạch chủ yếu là do Công ty chủ động giảm diện tích vụ Thu 2018.

- Sản lượng thu mua đạt 6.437 tấn nguyên liệu, bằng 91,1% so kế hoạch và bằng 99,2% so CKNT. Nguyên nhân chính sản lượng thu mua giảm là do tiêu thụ thương mại giảm 1.200 tấn so kế hoạch nên Công ty phải cân đối sản lượng thu mua hợp lý, hạn chế tồn kho mức thấp nhất.

- Về chất lượng: Tỷ lệ cấp cao toàn Công ty đạt bình quân 63%, tăng 8% so kế hoạch năm 2018 và tăng 12,9% so CKNT. Đây là tỷ lệ cấp cao đạt được cao nhất từ trước đến nay của Công ty. Đối với tỷ lệ Nicotin và Đường trong lá thuốc, năm 2018, nhìn chung đã đạt yêu cầu kế hoạch đề ra, tuy nhiên vẫn cần phải tiếp tục cải tiến cho các năm tiếp theo để đạt yêu cầu cao hơn của khách hàng. Đây là vấn đề cần đặt ra cho năm tới, định hướng công tác kỹ thuật, hái sấy đảm bảo đáp ứng nhu cầu khách hàng với các chỉ tiêu cụ thể hàm lượng Ni > 1,5% và hàm lượng đường trong khoảng 20%.

- Công tác thu hồi vốn đầu tư: Tổng đầu tư năm 2018 là 11.478 triệu đồng. Toàn bộ giá trị đầu tư năm 2018 Công ty đã thu hồi 100%.

### **2.2.2. Lĩnh vực sản xuất gia công chế biến**

Công ty đã tận dụng tối đa các điều kiện để tăng sản lượng sơ chế tách cọng đặc biệt là Quý 4/2018. Kết quả, sản lượng gia công chế biến (tách cọng và sợi) đạt: 13.880 tấn thành phẩm, bằng 92,5% so KH 2018 và bằng 90,5% CKNT. Trong đó:

- Sản lượng sơ chế tách cọng đạt 12.030 tấn TP, bằng 109,4% so KH 2018 và bằng 78,5% so CKNT. Sản lượng sơ chế tách cọng tăng 9% so kế hoạch đã đóng góp tích cực vào hiệu quả SXKD trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và hiệu quả chung toàn Công ty.

- Sản lượng chế biến sợi thuốc lá: Dự án đầu tư chế biến sợi thuốc lá đi vào hoạt động từ tháng 7/2018, chậm hơn dự kiến khoảng 3 tháng. Do dây chuyền mới đi vào hoạt động cùng với kế hoạch sản xuất bị động, do vậy, sản lượng chế biến sợi năm 2018 đạt 1.850 tấn thành phẩm, bằng 46,3% so kế hoạch. Đến nay, dây chuyền chế biến sợi đã đi vào hoạt động ổn định đảm bảo chất lượng sản xuất theo yêu cầu khách hàng.

### **2.2.3. Lĩnh vực thương mại**

Sản lượng tiêu thụ đạt 4.563 tấn thành phẩm, bằng 82,8% so kế hoạch năm 2018 và bằng 90,7% so CKNT, trong đó:

- Nguyên liệu thuốc lá: đạt 4.533 tấn nguyên liệu và thành phẩm, bằng 82,3% so KH 2018 và bằng 87,1% so CKNT. Nguyên nhân sản lượng tiêu thụ giảm là do công tác tiêu thụ nguyên liệu thương mại gặp nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm 1.200 tấn thành phẩm so kế hoạch ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu năm 2018. Trong đó:

+ Công ty BAT-Vinataba: Sản lượng tiêu thụ năm 2018 đạt 745 tấn nguyên liệu lá, tăng 6,4% so kế hoạch năm 2018 và tăng 70,9% so CKNT.

+ Công ty Thuốc lá Thăng Long: Sản lượng tiêu thụ năm 2018 đạt 1.327 tấn thành phẩm, giảm 32,2% so CKNT.

+ Công ty Thuốc lá Sài Gòn: Sản lượng tiêu thụ năm 2018 đạt 1.430 tấn thành phẩm, tăng 34,4% so CKNT.

+ Công ty khác (Long An. VPM...): Sản lượng tiêu thụ năm 2018 đạt 961 tấn, giảm 38,9 % so CKNT.

+ *Tiêu thụ xuất khẩu*: Công ty đã tìm kiếm và xác lập ký hợp đồng xuất khẩu với khách hàng đạt 376 tấn thành phẩm. Trong đó, năm 2018 đã tiêu thụ 100 tấn thành phẩm, sản lượng còn lại 276 tấn thành phẩm khách hàng đề nghị chuyển sang năm 2019 tiêu thụ.

- *Sợi thuốc lá*: Sau khi Công ty được Bộ Công Thương cấp phép chế biến sợi thuốc lá nội tiêu ngày 7/11/2018. Công ty đã chào mẫu và tìm kiếm kênh tiêu thụ. Đến nay, bước đầu đã xác lập được hợp đồng tiêu thụ với Công ty Thuốc lá Sài Gòn 300 tấn thành phẩm sợi. Trong đó, năm 2018 đã tiêu thụ đạt 30 tấn thành phẩm sợi đảm bảo yêu cầu chất lượng và có hiệu quả, tạo tiền đề cho lĩnh vực kinh doanh sợi năm 2019 và những năm tiếp theo.

- *Dịch vụ ủy thác nhập khẩu*: Năm 2018, Công ty thực hiện dịch vụ ủy thác nhập khẩu cho Công ty Thuốc lá Thăng Long và Công ty Thuốc lá Sài Gòn được 2.500 tấn thành phẩm đã góp phần mang lại nguồn thu từ lĩnh vực này khoảng 3.200 triệu đồng.

#### 2.2.4. Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản

Năm 2018 công tác xây dựng cơ bản tiếp tục được triển khai nhanh chóng, kịp thời đáp ứng yêu cầu về cải tạo và đầu tư mới các hạng mục công trình, đặc biệt là việc hoàn thành các hạng mục đảm bảo cho dây chuyền sợi chính thức đi vào hoạt động từ cuối Quý II/2018. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng thêm kho tại Chi nhánh trực thuộc để nâng cao năng lực bảo quản, đồng thời phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện quy hoạch tổng thể mặt bằng khu Văn phòng Công ty (KCN Tiên Sơn) nhằm phục vụ chuẩn bị cho việc đầu tư thêm hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực kho chứa, giảm bớt chi phí thuê kho bên ngoài của Công ty.

#### 2.2.5. Tình hình lao động, thu nhập của người lao động

Năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc Khối Văn phòng, cụ thể: Khối các Phòng chuyên môn chuyển đổi từ 8 Phòng chuyên môn thành 6 Phòng chuyên môn và chuyển đổi mô hình hoạt động Xí nghiệp chế biến thành Phân xưởng tách cọng nguyên liệu thuốc lá, đồng thời thành lập Phân xưởng sản xuất chế biến sợi thuốc lá. Công ty ban hành chức năng nhiệm vụ các phòng chuyên môn và 02 phân xưởng, sắp xếp bố trí, luân chuyển cán bộ đảm bảo phù hợp cho hoạt động từng đơn vị để phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Công ty. Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đến 31/12/2018 là 390 lao động, tăng 39 lao động so đầu năm 2018 chủ yếu tăng lao động cho hoạt động phân xưởng sợi. Thu nhập bình quân thực hiện năm 2018 BQ đạt 8.7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14,5% so kế hoạch và tăng 16% so CKNT.

\* Tóm lại: Năm 2018, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao: Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định và phát triển. Tình hình tài chính ổn định, hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt kế hoạch, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận và thu nhập người lao động tăng so kế hoạch và CKNT.

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

### 1. Đặc điểm tình hình

#### 1.1. Thuận lợi

- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam tiếp tục có định hướng chỉ đạo các đơn vị thuốc lá điều chỉnh thành viên cân đối nhu cầu sử dụng nguyên liệu nhằm đảm bảo chủ trương mua tối thiểu 50% nguyên liệu thuốc lá trong tổng số nhu cầu nguyên liệu nội địa của các công ty nguyên liệu trong Tổng công ty nhằm tạo điều kiện phát triển bền vững vùng trồng nguyên liệu thuốc lá.

- Sự hợp tác tích cực của các công ty thuốc lá điều thành viên Vinataba trong ứng vốn cho Công ty tiếp tục được duy trì.

- Công ty tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 là điều kiện để Công ty phát triển bền vững.

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đã được sắp xếp, quy hoạch ổn định những vùng nguyên liệu có chất lượng cao, tập trung đầu tư đúng, đủ theo mục tiêu đầu tư trực tiếp 100%, tập trung hóa tại các vùng chuyên canh có chất lượng.

- Năm 2019 lĩnh vực chế biến sợi thuốc lá tạo cơ hội cho Công ty trong lĩnh vực kinh doanh mới (gia công chế biến và kinh doanh thương mại sợi thuốc lá), tạo công ăn việc làm cho người lao động. Chế biến sợi thuốc lá trong nước năm 2019 được xác định là tiền đề khẳng định uy tín, chất lượng của Công ty trong lĩnh vực chế biến sợi.

- Gia công sơ chế tách cọng đã khẳng định uy tín về chất lượng sản phẩm, có ưu thế cạnh tranh so với các đối thủ khác. Bên cạnh đó, dây chuyền chế biến sợi tác động hỗ trợ cho dây chuyền sơ chế tách cọng, tạo quy trình sản xuất khép kín, qua đó thu hút được thêm khách hàng, tạo nguồn đầu vào chủ động cho sản xuất, đặc biệt là khách hàng mới.

- Năm 2019 là năm thứ hai Công ty thực hiện tái cấu trúc cơ cấu tổ chức là điều kiện để triển khai các bước tiếp theo trong quá trình sắp xếp, định biên lao động phù hợp nhằm tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **1.2. Khó khăn**

- Áp lực về tài chính, dòng tiền trong năm 2019 còn tiềm ẩn những khó khăn cho Công ty trong điều kiện Công ty thực hiện đầu tư thêm cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động sản xuất và hoạt động của các Chi nhánh nguyên liệu, đặc biệt là xu thế điều chỉnh tăng lãi suất của các ngân hàng thương mại trong năm 2019.

- Mức thu nhập tối thiểu tiếp tục điều chỉnh tăng lên cho người lao động trong năm 2019, cùng với chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN Công ty áp dụng mức đóng bảo hiểm theo thu nhập dẫn đến chi phí tăng cao hơn năm 2018 khoảng 4.5 tỷ đồng ảnh hưởng đến giá thành sản xuất và hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Sản lượng tiêu thụ của một số công ty thuốc lá điều thành viên Vinataba có thể giảm do ảnh hưởng tăng thuế, phí từ năm 2019 dẫn đến giảm sản lượng mua nguyên liệu thuốc lá của hợp đồng nguyên tắc với Công ty sẽ ảnh hưởng đến công tác đầu tư, thu mua nguyên liệu và kết quả kinh doanh năm 2019.

- Các hợp đồng tiêu thụ ký với các công ty thuốc lá điều với hàng rào kỹ thuật về yêu cầu chất lượng ngày càng cao thông qua công cụ kiểm soát bằng các chỉ tiêu Nicotin, clor. đường khử.... Trong khi đó, công tác sản xuất yếu tố đầu vào (vùng nguyên liệu) chưa theo kịp yêu cầu sẽ dẫn đến rủi ro vừa thừa, vừa thiếu sản lượng (thừa sản lượng cấp trung bình – cấp 3 và thiếu cấp cao – cấp BAT và cấp 1.2).

- Sản lượng gia công sơ chế tách cọng năm 2019 với nguồn đầu vào chủ yếu từ xuất khẩu (chiếm khoảng 60% tổng sản lượng) sẽ tiếp tục trong tình trạng bị động, đặc biệt là giai đoạn quý 2/2019 và có thể phải ngừng sản xuất, công nhân nghỉ chờ việc sẽ tác động đến chi phí giá thành sản xuất kinh doanh và khả năng duy trì lao động có tay nghề cao của Công ty.

## **2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019**

Dựa trên đánh giá các yếu tố thuận lợi, khó khăn, nguồn lực hiện có của Công ty. Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2019 như sau:

- Doanh thu: 700.000 triệu đồng, tăng 14,4% so thực hiện năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế: 17.000 triệu đồng, bằng 101,4% so thực hiện năm 2018.

- Nộp Ngân sách: 3.500 triệu đồng.

- Thu nhập bình quân của CBCNV đạt 8.7 triệu đồng/ người/ tháng, bằng 100% so với thực hiện năm 2018.

- Tỷ lệ cổ tức 10%.

Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2018	KH năm 2019	Tỷ lệ % KH19/TH18
<b>1. Diện tích đầu tư</b>	<b>Ha</b>	<b>3.546</b>	<b>2.236</b>	<b>63,7</b>
- DT đầu tư trực tiếp		1.683	2.016	119,8
- DT đại trà		1.863	220	11,8
<b>2. Sản lượng thu mua</b>	<b>Tấn</b>	<b>6.437</b>	<b>6.670</b>	<b>106,0</b>
<b>3. Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>4.563</b>	<b>5.680</b>	<b>124,5</b>
- Nguyên liệu lá	"	745	600	80,5
- Nguyên liệu tách cọng	"	3.788	4.380	115,6
- Thành phẩm sợi thuốc lá	"	30	700	2333,3
<b>4. Sản lượng GCCB</b>	<b>Tấn</b>	<b>13.880</b>	<b>19.000</b>	<b>136,9</b>
- Sơ chế tách cọng mảnh lá	Tấn	12.030	12.000	99,7
- Sơ chế sợi	Tấn	1.850	7.000	378,3
<b>5. Doanh thu</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>611.708</b>	<b>700.000</b>	<b>114,4</b>
Trong đó: Kim ngạch XK		4.6	9.1	198,0
<b>6. Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>16.760</b>	<b>17.000</b>	<b>101,4</b>
<b>7. Thu nhập BQ</b>	Trđ/ng/th	<b>8.7</b>	<b>8.7</b>	<b>100,0</b>

### 3. Các nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

#### 3.1. Công tác sản xuất nguyên liệu

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 151-NQ/ĐUCPNS ngày 05/12/2016 về nâng cao năng suất, chất lượng nguyên liệu thuốc lá hướng tới ổn định và phát triển diện tích tại các vùng nguyên liệu giai đoạn 2017-2020. Trong đó, cụ thể hóa bằng các kế hoạch triển khai, các tiêu chí đánh giá hàng tháng, quý, năm 2019 đến từng chi bộ thực hiện. Để đạt được các mục tiêu Nghị quyết số 151-NQ/ĐUCPNS cần triển khai cụ thể các giải pháp:

##### 3.1.1. Giải pháp về chính sách đầu tư

a. *Đầu tư không thu hồi:* Hạt giống thuốc lá cho diện tích 2.016 ha; Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ nông dân, thực hiện 2 đợt, chi phí 20.000 đồng/người/lượt; Chi phí khuyến nông, quản lý sản phẩm chi trả cho chính quyền địa phương và đại diện nhóm hộ thông qua hợp đồng đầu tư và dịch vụ: 100 đ/kg phân bón và 100 đ/kg sản phẩm thu mua.

b. *Đầu tư có thu hồi:* Vật tư nông nghiệp: Đầu tư ứng trước Phân bón, thuốc diệt cỏ Accotab..... thu hồi khi thu mua sản phẩm; Cho nông dân vay vốn 5.000.000 – 8.000.000 đ/lò sấy theo nguyên lý thoát ẩm qua đường ống khói nếu nông dân có nhu cầu và được các phòng chuyên môn thẩm định. Thu hồi trong 1-2 vụ sản xuất. Đầu tư có thu hồi toàn bộ hệ thống đường ống dẫn nhiệt, ống thoát ẩm, thiết bị đo. Về than sấy: đầu tư thông qua hình thức ứng trước tiền mặt nếu nông dân có đề nghị và được Chi nhánh và phòng chuyên môn thẩm định; Ứng vốn cho các huyện có nhu cầu mua than sấy đầu tư cho nông dân. Tất cả các khoản mục nêu trên được thu hồi 100% bằng đối trừ tiền bán sản phẩm của nông dân trong vụ trước ngày 31/08/2019.

##### 3.1.2. Các giải pháp khác

- Xây dựng cơ chế chính sách tiền lương đối với lao động kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tại các chi nhánh theo cơ chế khoán gắn diện tích đầu tư với tiền lương cho từng cán bộ kỹ thuật, áp dụng riêng cho vùng trồng.

- Đầu tư trực tiếp 100% đến các hộ nông dân trong diện tích quản lý của Công ty, giảm tối đa đầu tư gián tiếp. Gắn trách nhiệm của các tổ mua từ đầu tư gieo trồng đến thu mua sản phẩm.

- Sản lượng thu mua trực tiếp của các Chi nhánh: 4.000 tấn nguyên liệu, trong đó thực hiện đạt kế hoạch 1.130 tấn sản phẩm chất lượng cao (BAT và VPM), tiêu thụ cho Công ty liên doanh BAT-Vinatoba và các công ty thuộc lá điều. Trong đó, năm 2019. Công ty tiếp tục kiên định với mục tiêu chỉ đạo các Chi nhánh thu mua trực tiếp tới các hộ nông dân, giảm thiểu tối đa thu mua qua kênh hàng xáo.

- Phương thức thu mua: Thu mua trực tiếp đến từng hộ, nhóm nông dân, Giá mua trên cơ sở giá ký hợp đồng với các hộ nông dân từ đầu vụ và khung giá phê duyệt của HĐQT Công ty.

- Chủ động xây dựng phương án mua hợp lý, hiệu quả trên cơ sở cân đối linh hoạt về sản lượng tiêu thụ, sản lượng sản xuất và sản lượng tại các khu vực. Điều phối công tác thu mua, phân cấp đóng kiện đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất sơ chế tách cọng, đẩy nhanh tiến độ giao hàng cho khách hàng nhằm thu hồi vốn, giảm chi phí.

- Chất lượng sản phẩm: Đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, cấp 1.2 và BAT đạt tỷ lệ tối thiểu 65%; riêng sản lượng cấp 3.4 điều chỉnh linh hoạt trong thu mua trên cơ sở cân đối sản lượng tiêu thụ, hạn chế thấp nhất sản lượng tồn kho, tăng tối đa hiệu quả.

- Điều phối nguồn lực (kho tàng và lao động) tập trung cho 3 Chi nhánh thu mua, Công ty tiến hành thẩm định kế hoạch thu mua của các Chi nhánh, chỉ đạo tập trung theo định hướng các Chi nhánh thu mua theo diện tích đầu tư, không mua xâm lấn vùng tạo cạnh tranh nội bộ.

### **3.2. Công tác tiêu thụ sản phẩm**

Năm 2019 trọng tâm là thị trường nội địa, duy trì và tăng sản lượng bán hàng cho các công ty thuốc lá điều thành viên trong Tổng công ty. Bên cạnh đó. Công ty khôi phục lại thị trường và khách hàng xuất khẩu, từng bước xâm nhập vào thị trường tiêu thụ cho các khách hàng khác trong Hiệp hội Thuốc lá nhằm gia tăng thêm sản lượng bán hàng, Sản lượng tiêu thụ kế hoạch năm 2019 là 5.680 tấn. cụ thể:

- Thị trường nội địa: Đối với thị trường truyền thống (các công ty thuốc lá điều trong Tổng công ty): Tiếp tục cung ứng ổn định các sản phẩm đã xác lập được uy tín về chất lượng, mẫu mã sản phẩm, bên cạnh đó tiêu thụ mẫu BAT có chất lượng tốt cung cấp cho các công ty thuốc lá điều. Mục tiêu tiêu thụ sản phẩm năm 2019 cho các công ty thuốc lá điều tương đương năm 2018, cụ thể: Tổng sản lượng tiêu thụ cho các công ty thuốc lá thành viên năm 2019 là: 3.180 tấn thành phẩm.

Đối với thị trường mới – khách hàng bên ngoài Tổng công ty: nắm bắt kịp thời tạo cơ hội phát triển thị trường mới cũng như mở rộng các quan hệ bán hàng nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của Công ty có hiệu quả.

- Thị trường xuất khẩu: Thực hiện giải pháp phát triển sản phẩm theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng tối đa thỏa mãn yêu cầu của khách hàng. Mục tiêu năm 2019 là xác lập các kênh tiêu thụ, nghiên cứu các mẫu sản phẩm mới để chào bán cho khách hàng nhằm đạt sản lượng tiêu thụ 1.200 tấn thành phẩm xuất khẩu.

### **3.3. Công tác sản xuất công nghiệp**

Năm 2019, sản lượng sản xuất công nghiệp kế hoạch tối thiểu là 19.000 tấn thành phẩm (trong đó: 12.000 tấn thành phẩm tách cọng và 7.000 tấn thành phẩm sợi). Để đảm

bảo được sản lượng sản xuất và giữ được tỷ suất lợi nhuận dự kiến, giải pháp đối với sản xuất công nghiệp đó là:

- Bố trí lao động hợp lý trong các giai đoạn sản xuất của Công ty, đặc biệt lưu ý đến những tháng sản xuất cao điểm như Quý 1 và Quý 4 để có chính sách đối với người lao động đảm bảo các chế độ khuyến khích về tiền lương và thu nhập. Bên cạnh đó, thời gian ngừng máy sản xuất dự kiến khoảng 3 tháng (chủ yếu vào Quý 2/2019) Công ty chi trả tiền lương hỗ trợ ngừng việc với tiền lương tối thiểu vùng nhằm đảm bảo giữ lao động có kinh nghiệm và tay nghề của Công ty.

- Năm 2019, Công ty sẽ thực hiện kế hoạch sửa chữa, cải tạo lớn môi trường sản xuất tại Phân xưởng tách cọng với mục tiêu đảm bảo phục vụ cho sản xuất tối ưu, cạnh tranh với các đơn vị sản xuất sơ chế tách cọng khác nhằm thu hút khách hàng, qua đó gia tăng sản lượng sản xuất năm 2019 và các năm tiếp theo.

- Năm 2019, Công ty phân loại đối tượng khách hàng để có chính sách phù hợp, linh hoạt các chính sách về giá và chăm sóc khách hàng nhằm thu hút nguồn nguyên liệu đầu vào, tăng sản lượng sơ chế tách cọng.

- Ưu tiên cho gia công xuất khẩu, lấy mục tiêu sản lượng xuất khẩu năm 2019 là trọng tâm để có thể hoàn thành sản lượng kế hoạch.

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến thêm một số thiết bị phù hợp theo thực tế yêu cầu của khách hàng nhằm đáp ứng tốt nhất về chất lượng dịch vụ sơ chế tách cọng.

- Thực hiện các giải pháp trong việc kiểm soát chi phí, lao động, tiết kiệm chi phí hợp lý, trong đó đặc biệt lưu ý kết hợp lao động từ Phân xưởng tách cọng với Phân xưởng sợi trong giai đoạn ngừng việc của Phân xưởng tách cọng nhằm đảm bảo việc làm và tiết giảm chi phí thuê ngoài.

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động Phân xưởng Sợi phù hợp trong điều kiện sản xuất mới, đặc biệt là bố trí sản xuất cho khách hàng trong nước và xuất khẩu nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và tăng hiệu quả kinh doanh.

**3.4. Triển khai thực hiện chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của Công ty đã ban hành; Thực hiện đồng bộ các giải pháp về tài chính đáp ứng sản xuất, giảm chi phí, tăng năng lực cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Triển khai xây dựng và thực thi kế hoạch trung, dài hạn nhằm cụ thể hóa các nội dung của Chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của Công ty đã ban hành.

- *Công tác tài chính:*

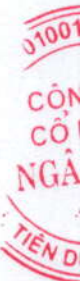
+ Khai thác triệt để mọi nguồn vốn có thể nhằm đảm bảo đủ vốn cho sản xuất kinh doanh và giảm chi phí tài chính.

+ Điều chỉnh cơ cấu tài sản, giảm tài sản tồn kho, tăng cường quản lý công tác đầu tư và quản lý chặt chẽ nợ phải thu, không để thất thoát. Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

+ Hoàn thiện công tác kế toán tài chính theo hướng hiện đại. Xây dựng các chính sách, hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro một cách hiệu quả.

+ Thường xuyên rà soát giá cả nguyên vật liệu đầu vào, tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn cung cấp nhưng vẫn bảo đảm chất lượng, Quản lý tập trung các nguồn lực nhằm giảm bớt các khâu trung gian trong hệ thống quản lý.

**3.5. Một số công tác khác**



- Năm 2019 Công ty tiếp tục phối hợp với các Trường, Viện đào tạo hoặc Trung tâm đào tạo Vinataba để tăng cường đào tạo cho cán bộ quản lý và CNV nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Trọng tâm là triển khai xây dựng kho tại khu vực Văn phòng Công ty (Khu công nghiệp Tiên Sơn) với diện tích khoảng 6.000 m<sup>2</sup> nhằm tăng năng lực kho bảo quản, giảm chi phí thuê kho, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo quy hoạch đã được HĐQT Công ty phê duyệt. Bên cạnh đó, chú trọng đầu tư xây dựng các hạng mục như: kho tàng (xây dựng kho, cải tạo các hệ thống kho hiện có nhằm tăng năng lực và chất lượng kho chứa bảo quản) và nhà làm việc tại các Chi nhánh trực thuộc phục vụ cho sản xuất.

- Xem xét, đánh giá lại một số lĩnh vực kinh doanh, góp vốn có hiệu quả thấp để có giải pháp trong việc thoái vốn góp bên ngoài, nâng cao hiệu quả đồng sử dụng vốn.

- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn 14001-2015; triển khai áp dụng công cụ tinh gọn 5S vào Phân xưởng Sợi và Phân xưởng tách cọng; tiếp tục triển khai thực hiện chương trình trách nhiệm xã hội (SRTP) đã cam kết với Công ty BAT-Vinataba trong sản xuất thuốc lá năm 2019.

## **E. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **I. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018**

#### **1. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

- Hoạt động của Ban kiểm soát được tiến hành độc lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Ngân Sơn năm 2018 thông qua. Ban Kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc kiểm soát hoạt động (trong đó có 03 cuộc kiểm soát tại các đơn vị trực thuộc; 01 cuộc tại Văn phòng Công ty) và 02 cuộc kiểm soát Báo cáo tài chính của Công ty (gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tài chính năm). Qua các lần kiểm tra, kiểm soát trong năm 2018. Ban kiểm soát đánh giá chung các hoạt động của Công ty đã thực hiện đúng các quy định, quy chế của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, các Chi nhánh đã thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế quy định, các quyết định, thông báo, chỉ đạo của Công ty.

- Phối hợp các phòng ban Công ty giám sát, chốt số liệu báo cáo và giám sát quá trình kiểm kê của các Chi nhánh và Văn phòng Công ty năm 2018.

- Thường xuyên (hàng tháng, Quý hoặc đột xuất) kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT cũng như giám sát việc thực hiện của Giám đốc Công ty đối với các Nghị quyết chỉ đạo của HĐQT để đảm bảo tất cả các chỉ đạo của HĐQT đều được Giám đốc Công ty thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của Công ty cũng như quy định của pháp luật.

- Việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được Giám đốc Công ty thực hiện cụ thể theo từng tháng thông qua cuộc họp sản xuất giao ban, đưa ra các vấn đề cụ thể và đánh giá kết quả theo từng tháng và yêu cầu làm rõ các vấn đề chưa làm được nhằm khắc phục để đảm bảo chỉ đạo được thông suốt và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị giao phó.

3019  
G TY  
H AN  
N SON  
T. BAC

- Tham gia và có ý kiến đóng góp trong các cuộc họp HĐQT, họp sản xuất hàng tháng, quý; tham gia đóng góp ý kiến liên quan đến các vấn đề hợp tác với Công ty Hanchen.

Ngoài ra còn thường xuyên phối hợp với Kế toán trưởng xem xét các vấn đề liên quan đến tài chính của Công ty như: làm việc với kiểm toán độc lập liên quan đến kiểm kê, lập báo cáo tài chính năm 2018, báo cáo tài chính bán niên 2018. Công nợ quá hạn, nợ khó đòi, thường xuyên cân đối dòng tiền, xem xét các chỉ tiêu tài chính để đảm bảo tài chính của Công ty luôn đủ đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, phối hợp làm việc với cơ quan thuế, thanh tra Bắc Ninh, hỗ trợ cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến làm việc với thanh tra Chính phủ.

## **2. *Mối quan hệ của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc***

Ban Kiểm soát giữ mối liên hệ thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Ban Kiểm soát được mời tham dự và có ý kiến đóng góp trong các phiên họp thường kỳ cũng như đột xuất của Hội đồng quản trị, các cuộc họp sản xuất hàng tháng của Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình.

## **II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2018 và tình hình thực hiện dự án hợp tác đầu tư dây chuyền chế biến sợi.**

### **1. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

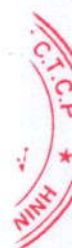
Ban Kiểm soát thống nhất với những đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2018. Kết thúc năm tài chính 2018, Công ty đã đạt được các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ Đại hội đồng cổ đông	Thực hiện	So sánh TH/NQ (%)
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	700.000	611.708	87,4
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	16.500	16.760	101,5
3	Nộp Ngân sách	Tr.đồng	-	3.200	-
4	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	-	9	-

- Doanh thu: đạt 611.708 tỷ đồng, bằng 87,4 % so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018. Nguyên nhân là do trong lĩnh vực kinh doanh thương mại năm 2018 gặp nhiều khó khăn; sản lượng kinh doanh tiêu thụ thương mại theo kế hoạch là 2.000 tấn tuy nhiên chỉ thực hiện đạt 800 tấn giảm 1.200 tấn thành phẩm so kế hoạch ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu của Công ty.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 16.759 tỷ, bằng 101,5 % so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, (Mặc dù sản lượng tiêu thụ giảm so với Kế hoạch Công ty xây dựng ngay từ đầu năm, tuy nhiên năm 2018 Công ty thực hiện dịch vụ ủy thác nhập khẩu cho Công ty Thuốc lá Thăng Long và Công ty Thuốc lá Sài Gòn được 2.500 tấn thành phẩm và phụ phẩm thuốc lá đã góp một phần mang lại nguồn thu từ lĩnh vực này được khoảng 3,2 tỷ đồng mặt khác sản lượng sơ chế tách cọng thực hiện đạt 12.030 tấn thành phẩm, bằng 109,4% so kế hoạch năm 2018, tăng khoảng 900 tấn TP so kế hoạch cũng đã đóng góp tích cực vào hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và hiệu quả chung toàn Công ty).

- Thu nhập bình quân đạt 8.7 triệu đồng/người/tháng, bằng 114,5% so kế hoạch năm 2018 và bằng 116,0% so CKNT.





## **2. Tình hình tài chính của Công ty**

- Công tác tài chính kế toán: Công ty đã tổ chức công tác kế toán có hệ thống từ Văn phòng Công ty đến các đơn vị trực thuộc. Sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, tuân thủ theo đúng Luật và phù hợp chế độ kế toán hiện hành. Qua công tác kiểm soát, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, các số liệu trên Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Hồ sơ tài liệu của Công ty được luân chuyển và lưu trữ cẩn thận đảm bảo tính hợp pháp và hợp lệ.

Qua việc phân tích Báo cáo tài chính tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2018. Ban Kiểm soát nhận thấy đa phần các chỉ số tài chính của Công ty đều tốt hơn cùng kỳ năm trước, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tăng so với CKNT, chứng tỏ Công ty đã tự chủ, đảm bảo cân đối được nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán ngắn hạn đều có hệ số lớn hơn 1, hệ số nợ của Công ty cũng được đảm bảo nằm trong khung cho phép (dưới 3 lần) và giảm hơn so với cùng kỳ do đó Công ty có thể chủ động, linh hoạt trong việc sử dụng vốn, đảm bảo dòng tiền thanh toán các khoản nợ đến hạn và chi trả các khoản chi phí giúp cho Công ty hoạt động được liên tục.

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán.

## **3. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên cùng với việc ra quy chế làm việc của HĐQT cũng như quy chế phối hợp giữa HĐQT, Giám đốc và các tổ chức chính trị xã hội đã giúp cho việc hỗ trợ của các thành viên HĐQT với Ban điều hành được kịp thời.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các phiên họp của Hội đồng quản trị đều ban hành thành Nghị quyết để đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh kỳ trước, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ sau và giao Ban điều hành tổ chức thực hiện, đồng thời triển khai nhiều vấn đề quan trọng khác mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh cho Công ty và bảo toàn vốn của cổ đông.

## **4. Hoạt động của Ban Giám đốc**

Năm 2018, Ban Giám đốc đã có nhiều giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông cũng như của HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được (như đã nêu). Ban kiểm soát đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trong năm tài chính 2018, nổi bật là:

- Chỉ đạo công tác thu mua nguyên liệu thuốc lá trên cơ sở yêu cầu về chất lượng của khách hàng, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thu mua để nâng cao hiệu quả thu mua nguyên liệu giảm thiểu tối đa lượng hàng tồn kho;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các dự án đầu tư được triển khai đúng quy định, đạt tiến độ và đem lại hiệu quả.

- Tái cấu trúc, sắp xếp bộ máy tinh gọn, giảm bớt khâu trung gian.

- Lợi nhuận vượt kế hoạch ĐHCĐ đã thông qua.

- Giữ vững sản xuất, đảm bảo, cải thiện thu nhập cho người lao động (Thu nhập bình quân đạt 8.7 triệu đồng/người/tháng, bằng 114,5% so kế hoạch năm 2018 và bằng 116,0% so CKNT).

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách

nhiệm với cộng đồng.

#### **6. Dự án đầu tư nhà xưởng sản xuất sợi chế biến công suất 4.000 kg/h.**

Đầu năm 2018, Công ty phối hợp với Công ty Henchen nhập khẩu lắp đặt thiết bị dây chuyền chế biến sợi, đến đầu tháng 6 năm 2018 đưa dây chuyền chế biến sợi thuộc lá vào chạy thử và đã cho ra sản phẩm phù hợp với yêu cầu của khách hàng, đến tháng 7/2018 Công ty khánh thành dây chuyền sợi và đi vào hoạt động đến hết năm 2018 tổng sản lượng sản xuất sợi đạt 1.878 tấn thành phẩm sợi. Mặc dù còn gặp một số khó khăn liên quan đến công tác phối hợp với đối tác Han chen do mới đi vào hoạt động tuy nhiên Ban Kiểm soát đánh giá với việc mở rộng sang lĩnh vực mới (sản xuất sợi) tạo chuỗi sản phẩm từ đầu tư thu mua nguyên liệu đến sơ chế tách cọng và khâu cuối là gia công chế biến sợi. Đây là tiền đề cho sự phát triển một lĩnh vực mới đầy tiềm năng, đóng góp vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.

#### **7. Kết luận và kiến nghị:**

##### **7.1. Kết luận:**

Các hoạt động của Công ty trong năm 2018 tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp. Điều lệ của Công ty và các quy định liên quan; đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

##### **7.2 Kiến nghị:**

Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

- Chiến lược ổn định và phát triển Công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Hội đồng quản trị thông qua do đó đề nghị Công ty triển khai các bước cụ thể để các mục tiêu của Công ty đạt được những thông số mà chiến lược đề ra.
- Hoàn thiện, nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các quy định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Hoạch định và có chính sách đề bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

### **III. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019**

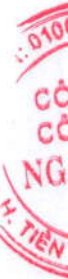
Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Thực hiện giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.
- Tăng cường kiểm soát các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty theo từng chuyên đề.
- Tham gia các lớp tập huấn để nâng cao trình độ trình độ cho các thành viên trong Ban Kiểm soát.

## **F. BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG**

### **I. CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG NĂM 2018**

1. Thực hiện công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về môi trường: Năm 2018, với vai trò đầu mối, Tổ môi trường thường xuyên cập nhật thông tin và phổ biến cho các bộ phận cùng triển khai thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường như



các văn bản pháp luật, tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất năm 2018 vào tháng 3 năm 2018.

2. Kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể trong các công tác:

2.1. Công tác xử lý nước thải:

- Thường xuyên kiểm tra các bể xử lý và xả thải, phối hợp với Trung tâm quan trắc Môi trường của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bắc Ninh thực hiện lấy mẫu, quan trắc định kỳ theo quy định.

- Thực hiện tát và nạo vét bể nước thải, dự kiến vào tháng 5/2018: Trong năm 2018, Tổ Môi trường đã kiểm tra lượng bùn lắng trong bể và lượng bùn lắng còn ít nên chưa tiến hành thực hiện thuê đơn vị xử lý nạo vét bể lắng. Dự kiến công việc này sẽ chuyển sang năm 2019 thực hiện.

2.2. Công tác xử lý khí thải:

- Lượng bụi và khí thải phát sinh là không đáng kể. Do khí thải được xử lý qua hai bước: xử lý thô và đập bụi ướt. Vì vậy, khói thải ra ngoài môi trường là khói trắng, không ảnh hưởng tới môi trường.

- Phối hợp với Trung tâm quan trắc Môi trường của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bắc Ninh thực hiện lấy mẫu, quan trắc định kỳ theo quy định và đảm bảo kiểm soát tốt công tác xử lý khí thải.

2.3. Công tác xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại: Nguồn thải dự kiến, biện pháp xử lý.

- Chất thải rắn thông thường là chất thải trong quá trình sinh hoạt và sản xuất (chủ yếu là chất thải trong quá trình sản xuất). Được thu gom tại khu vực chứa chất thải rắn và vận chuyển xử lý bởi các đơn vị có chức năng. Lượng chất thải rắn chuyển giao xử lý trong năm 2018 là 2.051 m<sup>3</sup>.

- Chất thải nguy hại có kho chứa riêng. Mỗi loại chất thải được đựng trong thùng khác nhau và có gắn mã hiệu tương ứng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và được vận chuyển và xử lý bởi đơn vị có chức năng.

2.4. Công tác giám sát, quan trắc môi trường định kỳ:

Thực hiện giám sát, quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu trong báo cáo đã được phê duyệt. Công ty ký hợp đồng và thuê đơn vị có chức năng thực hiện là Trung tâm Quan trắc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh. Thực hiện giám sát, quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu trong báo cáo đã được phê duyệt.

2.5. Tham gia các công tác bảo vệ môi trường do Khu Công nghiệp hay địa phương phát động.

- Tháng 6/2018, Công ty đăng ký và cử 02 cán bộ tham gia lớp tập huấn về công tác bảo vệ môi trường do Chi Cục bảo vệ môi trường- Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Ban quản lý KCN Tiên Sơn tổ chức tại KCN Tiên Sơn;

- Tháng 9/2018, Công ty cử 02 cán bộ tham gia lớp tập huấn về pháp luật Bảo vệ môi trường do Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường- Công an tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Ban quản lý KCN Tiên Sơn tổ chức tại KCN Tiên Sơn.

2.6. Trong 2018, dự án đầu tư Xưởng sản xuất sợi thuốc lá chính thức đi vào hoạt động và dự án sản xuất chiết suất cao Nicotine của đối tác thuê mặt bằng tại Công ty thực hiện sản xuất. Công ty phối hợp tốt với đối tác và các cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường: Hiện nay, dây chuyền chế biến sợi đã chính thức đi vào hoạt động và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chế biến sợi luôn được chú trọng, kiểm soát đảm bảo thực hiện theo đúng ĐTM đã được phê

100  
NG  
PH  
LN S  
DU-T

duyệt. Ngoài ra, trong thời gian tới dự án sản xuất chiết suất cao Nicotine của đối tác thuê mặt bằng tại Công ty thực hiện sản xuất, Công ty phối hợp với đối tác thực hiện đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2.7. Thực hiện đánh giá giám sát lần 2 vào tháng 9/2018 để tiếp tục được cấp chứng nhận phù hợp về quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015: Dự kiến trong năm 2018, Công ty thực hiện đánh giá lần 2 vào tháng 9/2018, tuy nhiên việc đánh giá được lùi lại đến ngày 26/12/2018.

Nhìn chung công tác bảo vệ môi trường Công ty triển khai thực hiện trong năm 2018 đạt được yêu cầu chung và kế hoạch Công ty đề ra. Năm 2018, sản lượng sản xuất Công ty thực hiện giảm hơn so với năm 2017 khoảng 7%. Đặc biệt, trong năm 2018, Công ty đã đi vào hoạt động lĩnh vực mới là chế biến sợi thuốc lá. Công tác kiểm soát và duy trì các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Công ty vẫn được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện đầy đủ các quy định của Công ty cũng như các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Năm 2018, Công ty Cổ phần Ngân Sơn đạt sản lượng 13.880 tấn thành phẩm lá tách cọng và sợi thuốc lá. Trong đó, lượng điện và nước sử dụng trong năm 2018 lần lượt là 3.223.400 kWh và 33.280 m<sup>3</sup>.

#### ***Về công tác bảo vệ môi trường:***

Công ty đã có Cam kết bảo vệ Môi trường, và thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung Dự án dây chuyền chế biến công suất 5000kg/h (24.000 tấn/năm). Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt theo Quyết định số 102/QĐ-TNMT ngày 27/6/2008. Từ tháng 5/2017, Công ty thực hiện theo Quyết định số 239/QĐ-STNMT về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá, chế biến sợi thuốc lá và chiết suất cao Nicotine.

Thực hiện Quyết định số 239/QĐ-STNMT về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá, chế biến sợi thuốc lá và chiết suất cao Nicotine, Công ty thực hiện giám sát, quan trắc môi trường theo báo cáo được phê duyệt. Lần thứ nhất vào tháng 3/2018; lần thứ hai vào tháng 6/2018; Lần thứ ba vào tháng 9/2018; Lần thứ tư vào tháng 12/2018. Kết quả: các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

- Lượng nước sử dụng là 33.280 m<sup>3</sup>.
- Lượng chất thải rắn thông thường được vận chuyển và xử lý: 2.051 m<sup>3</sup>
- Lượng chất thải nguy hại phát sinh: + 80 kg bóng đèn huỳnh quang cháy  
+ 120 kg giẻ lau dính dầu.  
+ 700 kg dầu thải

Nhận thức đúng đắn về công tác bảo vệ môi trường, Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001:2015, phạm vi: sản xuất, sơ chế và cung ứng Nguyên liệu thuốc lá. Số giấy chứng nhận: EMS 2016.0147.

### **G. CHƯƠNG TRÌNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI**

Trải qua chặng đường 25 năm hình thành và phát triển. Công ty cổ phần Ngân Sơn đã có trên 15 năm thực hiện chương trình sản xuất thuốc lá bền vững (*bắt đầu từ 2002 và chính thức tham gia chương trình từ năm 2009 do tập đoàn BAT toàn cầu xây dựng và áp dụng cho toàn bộ hệ thống và các nhà cung ứng cho tập đoàn*). Việc thực hiện chương trình góp phần nâng cao hình ảnh của Công ty, giúp Công ty tăng doanh số bán hàng hay thực hiện các thủ tục đầu tư được thuận lợi hơn. Quan trọng hơn còn có lợi ích dài hạn cho chính



Công ty như: Cải thiện quan hệ trong công việc, giảm chi phí, tăng năng suất lao động; tăng doanh thu; tăng giá trị và thương hiệu, tạo ra ưu thế trong cạnh tranh và thêm cơ hội tiếp cận những thị trường mới, đặc biệt là các đối tác nước ngoài.

Chương trình STP được Công ty từng bước triển khai thực hiện và được đánh giá tốt qua kết quả đánh giá của Công ty liên doanh thuốc lá BAT-Vinataba qua các năm.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện chương trình sản xuất thuốc lá bền vững (STP) đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2018 Ban chỉ đạo STP của Công ty tiếp tục có những chỉ đạo sát sao trong công tác triển khai thực hiện tại các chi nhánh nguyên liệu trực thuộc. Nhìn chung, Công ty đã thực hiện đạt kế hoạch đề ra (quy hoạch diện tích trồng; ký hợp đồng; cấp vật tư nông nghiệp; tập huấn chuyên gia Khoa học Kỹ thuật; Giám sát nông dân; Hướng dẫn nông dân chuyển đổi lò sấy...).

Kết quả thực hiện chương trình STP năm 2018 đạt 101% các yêu cầu đề ra và được Công ty liên doanh thuốc lá BAT – vinataba đánh giá là một trong các nhà cung ứng triển khai thực hiện tốt nhất chương trình sản xuất thuốc lá bền vững (STP) trong năm 2018.

Một số điểm nổi bật trong năm 2018 đã đạt được như sau:

- Thực hiện theo kế hoạch hành động tại 4 phần (QUẢN TRỊ, NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG, CON NGƯỜI) với 92 chủ đề đánh giá đã được phê duyệt giai đoạn 2016-2018;

- Tiếp tục thực hiện chương trình BROA2 tại Huyện Chi Lăng tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2016 – 2018. Triển khai xây dựng bồn thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV tại các vùng nguyên liệu Công ty đầu tư quản lý

- Thực hiện các biện pháp sinh học thông qua việc trồng các cây thu hút và xua đuổi côn trùng tại các ruộng thuốc lá, thử nghiệm một số chủng loại thuốc sinh học trong phòng trừ sâu bệnh hại.

- Tiến hành đánh giá, phân tích nguồn nước và mẫu nước theo định kỳ. Các kết quả kiểm tra cho thấy nguồn nước tưới và nước tưới đều đảm bảo các quy định cho phép.

- Triển khai áp dụng thử nghiệm chương trình xây mới và cải tạo lò sấy theo nguyên lý thoát ẩm qua đường ống khói tại 03 vùng nguyên liệu trọng điểm của Công ty (*Ngân Sơn - Bắc Kạn, Chi Lăng - Lạng Sơn, Bắc Sơn – Lạng Sơn*)

- Tập trung tập huấn nông dân sử dụng các biện pháp canh tác thân thiện với môi trường, IPM hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc BVTV giảm thiểu dư lượng tồn dư trong sản phẩm, các biện pháp bón phân hợp lý, các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu sấy.

- Thực hiện chương trình phát triển xã hội thông qua việc hỗ trợ các quỹ giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, quỹ khuyến học, trẻ em nghèo vượt khó, ủng hộ người nghèo, hỗ trợ chương trình nông thôn mới... với tổng giá trị trên 150 triệu đồng.

## H. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>261.018.533.585</b>	<b>324.245.561.851</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.928.878.802</b>	<b>10.236.501.108</b>
1. Tiền	111		2.928.878.802	10.236.501.108
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>76.819.572.845</b>	<b>157.601.197.951</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	74.641.963.452	108.070.901.674
2. Trả trước cho người bán	132		832.684.200	7.554.914.425
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.508.521.143	42.138.977.802
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(163.595.950)	(163.595.950)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>155.161.789.176</b>	<b>135.341.190.829</b>
1. Hàng tồn kho	141		155.161.789.176	135.341.190.829
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.108.292.762</b>	<b>21.066.671.963</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.136.857.820	2.654.449.293
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.971.434.942	18.412.222.670
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>145.200.633.112</b>	<b>132.479.639.260</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>112.697.142.995</b>	<b>80.794.440.215</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	112.007.475.548	80.794.440.215
- Nguyên giá	222		275.551.666.326	223.506.454.429
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(163.544.190.778)	(142.712.014.214)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	689.667.447	-
- Nguyên giá	228		1.104.178.500	412.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(414.511.053)	(412.666.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>136.363.636</b>	<b>21.004.023.803</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	136.363.636	21.004.023.803
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.750.000.000</b>	<b>6.750.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	6.750.000.000	6.750.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.617.126.481</b>	<b>23.931.175.242</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	25.617.126.481	23.931.175.242
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>406.219.166.697</b>	<b>456.725.201.111</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B01 - DN**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>227.324.898.764</b>	<b>285.079.560.650</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>204.939.976.384</b>	<b>256.654.560.650</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	31.247.029.332	83.881.834.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	4.561.373.616	8.822.684.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.696.624.589	1.085.125.975
4. Phải trả người lao động	314		8.676.782.481	3.860.142.085
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.658.064.935	6.975.775.498
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	10.474.523.447	8.027.947.032
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	136.321.534.832	140.541.331.783
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.647.704.000	2.316.429.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.656.339.152	1.143.290.525
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.384.922.380</b>	<b>28.425.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	22.384.922.380	28.425.000.000
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>178.894.267.933</b>	<b>171.645.640.461</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>178.894.267.933</b>	<b>171.645.640.461</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		112.020.030.000	112.020.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.351.574.000	16.351.574.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.861.895.148	31.731.165.574
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.961.610.970	3.961.610.970
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.699.157.815	7.581.259.917
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		386.707.739	(7.204.293.501)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.312.450.076	14.785.553.418
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>406.219.166.697</b>	<b>456.725.201.111</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2018

**MẪU SỐ B02 - DN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	611.707.904.510	564.164.168.906
2. Các khoản giảm trừ	02	23	-	4.750.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		611.707.904.510	559.414.168.906
4. Giá vốn hàng bán	11	24	507.412.433.801	464.113.576.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.295.470.709	95.300.592.630
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.612.462.738	1.830.300.270
7. Chi phí tài chính	22	26	14.086.588.743	10.065.480.431
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.255.759.142	3.185.204.709
8. Chi phí bán hàng	24	27	21.508.336.158	24.454.986.708
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	56.576.081.589	47.776.008.138
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.736.926.957	14.834.417.623
11. Thu nhập khác	31	29	423.378.910	103.077.979.162
12. Chi phí khác	32	30	400.339.724	101.867.299.318
13. Lợi nhuận khác	40	30	23.039.186	1.210.679.844
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.759.966.143	16.045.097.467
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.447.516.067	1.259.544.049
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.312.450.076	14.785.553.418
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.188	1.320



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2018

**MẪU SỐ B03 - DN**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	16.759.966.143	16.045.097.467
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	23.789.975.980	20.092.849.033
- Các khoản dự phòng	03	-	(375.680.295)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	510.239.763	11.486.192
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(124.636.405)	(129.285.235)
- Chi phí lãi vay	06	13.255.759.142	9.900.751.334
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	54.191.304.623	45.545.218.496
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	68.872.653.827	(69.045.064.662)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(19.820.598.347)	(56.224.179.072)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(55.559.756.109)	(20.192.289.049)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.168.359.766)	(1.141.387.622)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.971.156.030)	(8.408.803.819)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.850.006.651)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	103.443.979.162
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.193.762.690)	(1.080.186.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	31.500.318.857	(7.102.712.566)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(27.002.287.359)	(28.657.046.621)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	372.727.273	51.772.727
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.332.090	77.512.508
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(26.619.227.996)	(28.527.761.386)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	445.171.528.824	529.672.466.941
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(455.431.403.395)	(502.213.022.718)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.928.752.980)	(482.637.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(12.188.627.551)	26.976.807.223
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(7.307.536.690)	(8.653.666.729)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	10.236.501.108	18.841.107.724
<i>Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ</i>	61	(85.616)	49.060.113
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	2.928.878.802	10.236.501.108

## II. Bản giải trình Báo cáo tài chính năm 2018

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
- Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân, Hà Nội

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý. trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### *Nơi nhận:*

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

